

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh**

Đăng ký lần đầu số 4703000375 ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Đăng ký thay đổi lần thứ 8 số 3600252847 ngày 21 tháng 12 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Bá Dương  
Ông Nguyễn Hùng Minh  
Bà Viên Diệu Hoa  
Ông CheahKimTeck  
Ông Vũ Bảo Quốc

Ông Lương Đình Quang

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành Viên  
Thành Viên  
Thành Viên  
(bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2010)  
Thành Viên  
(hết nhiệm kỳ ngày 22 tháng 4 năm 2010)

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Bá Dương  
Ông Nguyễn Hùng Minh  
Ông Thái Duy Hùng  
Ông Phạm Văn Tài  
Ông Trần Văn Mọc

Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Trần Bá Dương

Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Số 19, Đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình,  
TP.Biên Hòa, Đồng Nai

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers(ViệtNam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc

TP. Biên Hòa, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2768  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Lê Văn Hòa  
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
<b>100</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>		<b>3.971.604.235</b>	<b>3.717.406.360</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>116.162.632</b>	<b>350.094.952</b>
111	Tiền		75.422.122	262.705.190
112	Các khoản tương đương tiền		40.740.510	87.389.762
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4(a)</b>	<b>6.150.555</b>	<b>17.883.547</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		6.150.555	17.883.547
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>885.162.908</b>	<b>1.071.910.826</b>
131	Phải thu của khách hàng	5	507.796.015	710.059.805
132	Trả trước cho người bán	6	370.781.677	303.714.258
135	Các khoản phải thu khác	7	13.893.261	62.186.377
139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(7.308.045)	(4.049.614)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>2.794.605.766</b>	<b>2.071.852.942</b>
141	Hàng tồn kho		2.812.842.847	2.103.028.855
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.237.081)	(31.175.913)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>169.522.374</b>	<b>205.664.093</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	35.687.911	9.256.152
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		78.569.060	90.412.220
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		7.687.368	1.628.950
158	Tài sản ngắn hạn khác	10	47.578.035	104.366.771

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã Số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.826.580.602</b>	<b>2.826.699.422</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>3.120.887.076</b>	<b>2.186.912.880</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	1.360.859.631	1.008.768.284
222	Nguyên giá		1.841.237.743	1.320.687.115
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(480.378.112)	(311.918.831)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	1.170.849.183	677.504.511
228	Nguyên giá		1.183.478.739	686.114.529
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.629.556)	(8.610.018)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11(c)	589.178.262	500.640.085
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4(b)</b>	<b>68.836.675</b>	<b>324.294.026</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh		7.157.966	5.335.951
258	Đầu tư dài hạn khác		99.649.640	352.196.528
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(37.970.931)	(33.238.453)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>636.856.851</b>	<b>315.492.516</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	284.880.815	281.402.650
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20	8.595.278	1.875.558
268	Tài sản dài hạn khác		909.991	1.256.127
269	Lợi thế thương mại	13	342.470.767	30.958.181
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>7.798.184.837</b>	<b>6.544.105.782</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã Số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.384.863.409</b>	<b>2.829.452.868</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.246.340.219</b>	<b>2.636.175.703</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	1.836.723.936	1.464.056.580
312	Phải trả cho người bán	15	539.765.154	204.349.423
313	Người mua trả tiền trước		62.551.678	9.802.051
314	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	16	661.179.966	812.821.092
315	Phải trả người lao động		20.847.759	21.018.279
316	Chi phí phải trả	17	20.102.741	20.995.048
319	Các khoản phải trả khác	18	25.689.035	26.344.863
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	36.223.489	25.386.003
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	43.256.461	51.402.364
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>138.523.190</b>	<b>193.277.165</b>
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	134.797.944	189.229.371
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.725.246	4.047.794
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.413.321.428</b>	<b>3.714.652.914</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.395.658.973</b>	<b>3.652.902.273</b>
411	Vốn cổ phần	21	2.500.000.000	2.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	858.035.894	963.635.894
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	41.847.148	3.488.070
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22	995.775.931	685.778.309
<b>439</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>17.662.455</b>	<b>61.750.641</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.798.184.837</b>	<b>6.544.105.782</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 242.143 đô la Mỹ (2009: 4.109.659 đô la Mỹ).



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 02 – DN/HN


**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
			2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
01	Doanh thu bán hàng		8.870.971.357	6.955.597.198
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(666.002.990)	(361.584.208)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	26(a)	8.204.968.367	6.594.012.990
11	Giá vốn hàng bán	27	(6.830.547.659)	(5.288.338.037)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		1.374.420.708	1.305.674.953
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26(b)	15.883.294	17.014.791
22	Chi phí tài chính	28	(217.231.257)	(145.592.124)
24	Chi phí bán hàng	29	(283.561.593)	(263.757.435)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(208.559.803)	(155.218.467)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		680.951.349	758.121.718
40	Lợi nhuận khác	31	10.720.120	6.052.177
45	Phần lãi được chia từ công ty liên doanh		1.822.015	1.233.590
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		693.493.484	765.407.485
51	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	32	(30.530.027)	(24.134.409)
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	20, 32	6.719.720	1.875.558
60	Lợi nhuận sau thuế		669.683.177	743.148.634
61	Lợi ích có đồng thiểu số		(3.397.200)	(19.945.213)
62	Lãi thuần sau thuế		666.285.977	723.203.421
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	25	2.949	7.583



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



  
Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 03 – DN/HN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
			2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>693.493.484</b>	<b>765.407.485</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	11(a), 11(b), 13	196.629.276	158.202.346
03	Các khoản dự phòng		(4.947.923)	28.589.380
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		59.292	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.940.049)	(12.350.104)
06	Chi phí lãi vay	28	144.316.927	60.681.684
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.019.611.007</b>	<b>1.000.530.791</b>
09	Giảm các khoản phải thu		825.931.884	(546.557.768)
10	Tăng hàng tồn kho		(735.621.151)	(858.579.247)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả		(385.792.882)	754.759.176
12	Tăng các chi phí trả trước		(29.940.642)	(237.031.448)
13	Tiền lãi vay đã trả		(142.796.756)	(59.732.271)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.374.048)	(12.207.042)
15	Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh		178.685	13.045.034
16	Các khoản chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.583.995)	(7.197.973)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>521.612.102</b>	<b>47.029.252</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.157.590.382)	(771.282.759)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ		1.675.049	-
23	Chi cho vay các đơn vị khác		-	(283.928.094)
24	Thu hồi cho vay		9.106.014	285.944.888
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.453.112)	(10.430.738)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.075.710	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.795.903	11.170.723
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.136.390.818)</b>	<b>(768.525.980)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	22	394.400.000	541.004.448
33	Vay nhận được		6.104.120.703	6.053.244.366
34	Chi trả nợ gốc vay		(5.760.385.872)	(5.397.375.042)
36	Cổ tức đã trả	23	(360.026.427)	(190.052.040)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>378.108.404</b>	<b>1.006.821.732</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(236.670.312)</b>	<b>285.325.004</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	3	<b>350.094.952</b>	<b>67.588.388</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		2.737.992	(2.818.440)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>116.162.632</b>	<b>350.094.952</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 03 – DN/HN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Các nghiệp vụ quan trọng không sử dụng tiền mặt trong năm 2010 bao gồm:

	<b>1.000 đồng</b>
Chuyển thặng dư vốn cổ phần sang tăng vốn điều lệ (Thuyết minh số 22)	<u><u>400.000.000</u></u>



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh hiện hành là Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 8 số 360025284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 12 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp ô tô tải, ô tô khách;
- Sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán xe ô tô và xe có động cơ (cũ và mới);
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; máy đào đất, giàn giáo di động, thiết bị đôn gỗ và cần cẩu trong xây dựng;
- Đại lý môi giới đấu giá;
- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 6.145 nhân viên (2009: 4.473 nhân viên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đầu tư vào 31 đơn vị thành viên như sau:

STT	Tên giao dịch	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất ô tô	100,00%
2	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Sản xuất ô tô	100,00%
3	Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Vật Tư Thiết Bị	Cung ứng vật tư, thiết bị, phụ tùng thủy lợi	99,94%
4	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Hạ tầng KCN	100,00%
5	Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
6	Công Ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận chuyển	100,00%
7	Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	100,00%
8	Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Chuyên Dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
9	Công Ty TNHH Vận Tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	100,00%
10	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô An Thành Phát	Sản xuất xe ô tô	100,00%
11	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Kinh Doanh Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất - Kinh doanh thép	100,00%
12	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Chuyên Dụng Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
13	Công Ty TNHH MTV SX&LR Ô Tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	100,00%
14	Công Ty con mới được thành lập	Sản xuất ô tô	100,00%
15	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Sản Xuất Diêu Bông	Kinh doanh thương mại	100,00%
16	Công Ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Kinh doanh phụ tùng ô tô	100,00%
17	Công Ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Kinh doanh ô tô	64,34%
18	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	100,00%
19	Công Ty TNHH Vũng Tàu Trường Hải	Kinh doanh ô tô	51,00%
20	Trường Cao Đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Đào tạo nghề	100,00%
21	Công Ty TNHH Thương Mại Vỏ Xe Triều Hải	Kinh doanh thương mại	75,00%
22	Công Ty TNHH MTV Chè Thuận Phát	Kinh doanh ô tô	100,00%
23	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghế Ô tô Việt - C.N.A	Sản xuất cơ khí	100,00%
24	Công Ty TNHH MTV SX &LR Điện Lạnh Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
25	Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	100,00%
26	Công Ty TNHH MTV Vĩnh Cát	Kinh doanh ô tô	100,00%
27	Công Ty TNHH MTV Hòa Chải Chuyên Dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo	100,00%
28	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Trường Hải - Bình Phước	Kinh doanh vận tải	100,00%
29	Công Ty TNHH MTV Phân Phối Xe Ô tô Du Lịch - CL Trường Hải	Phân phối xe du lịch	100,00%
30	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Tây Ninh- Trường Hải (*)	Kinh doanh ô tô	100,00%
31	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bắc Ninh Trường Hải (*)	Kinh doanh ô tô	100,00%

(\*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa góp đủ vốn đầu tư cho các công ty này.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Hợp nhất báo cáo*****Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian mười năm.

Đối với việc hợp nhất kinh doanh liên quan tới các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung, các tài sản đem trao đổi và các khoản nợ phải trả hoặc đã nợ tiềm tàng đã thừa nhận được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi, không tính đến phạm vi quyền lợi cổ đông thiểu số. Chênh lệch giữa số tiền đã trả ra để mua với giá trị ghi sổ tổng hợp của tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần. Không có lợi thế thương mại nào được tạo ra từ việc hợp nhất kinh doanh của các doanh nghiệp cùng dưới sự kiểm soát chung.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)*****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số***

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

***Liên doanh và các bên liên kết***

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo ngàn đồng Việt Nam.

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Tập đoàn đã áp dụng Thông tư này từ năm 2009.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản tiền tệ ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận vào khoản mục 416 thuộc phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập tại ngày đầu tiên của năm tài chính sau.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ dài hạn gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nợ phải trả tiền tệ dài hạn gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Lãi do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lỗ do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng với số chênh lệch tỷ giá lỗ của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được ghi nhận vào khoản mục 416 của phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập tại ngày đầu tiên của năm tài chính sau.

Việc hạch toán theo Thông tư 201 là không phù hợp với Chuẩn Mực Kế Toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, theo đó, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty và các công ty con sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.9 Kế toán các khoản đầu tư***(a) Đầu tư ngắn hạn*

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các khoản đầu tư cao hơn giá trị hợp lý.

*(b) Đầu tư dài hạn*

(i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.

(ii) Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

**2.10 Tài sản cố định***Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng ước tính của nhóm tài sản cố định:

## Thời gian hữu dụng ước tính

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm
Phần mềm, vi tính	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.11 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại thể hiện phần chênh lệch giữa giá phi thu đặc cao hơn giá trị thị trường của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần xác định được của công ty con bị mua tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 10 năm theo phương pháp đường thẳng

**2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến năm tài chính kế toán tiếp theo và các khoản chi này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất của các năm tài chính kế toán sau.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.14 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**(b) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.15 Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.16 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trọng việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.17 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

**2.18 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Các khoản dự phòng, bao gồm cả dự phòng bảo hành cho chi phí sửa chữa và bảo dưỡng cho xe ô tô đã bán được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Tiền mặt	4.976.194	7.041.334
Tiền gửi ngân hàng	70.095.928	255.663.856
Tiền đang chuyển	350.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	40.740.510	87.389.762
	<u>116.162.632</u>	<u>350.094.952</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc ít hơn 3 tháng tính từ ngày gửi.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tùng (*)	1.801.316	2.169.378
Ông Nguyễn Phi Kha (*)	4.349.239	10.678.075
Tiền gửi ngân hàng	-	3.800.000
Khác	-	1.236.094
	<u>6.150.555</u>	<u>17.883.547</u>

(\*) Các khoản đầu tư trên là các khoản cho vay ngắn hạn có tính lãi theo lãi suất cho vay cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Đầu tư vào công ty liên doanh	7.157.966	5.335.951
Đầu tư dài hạn khác (i)	99.649.640	352.196.528
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (ii)	(37.970.931)	(33.238.453)
	<u>68.836.675</u>	<u>324.294.026</u>

(i) Đầu tư dài hạn khác như sau:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) (*)	32.024.422	29.571.310
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á (*)	62.500.218	62.500.218
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO) (Thuyết minh số 13)	-	255.000.000
Cty TNHH MTV Trường Phú	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác	125.000	125.000
	<u>99.649.640</u>	<u>352.196.528</u>

(\*) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư bằng hình thức mua cổ phần của bên thứ ba và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, bao gồm:

Tên Công ty	Số tiền 1.000 đồng	Số cổ phiếu do Công ty năm giữ	Giá bình quân trên cổ phiếu 1.000 đồng
Sacombank	32.024.422	1.379.876	23
Ngân hàng Đại Á	62.500.218	3.420.000	18
	<u>                    </u>	<u>                    </u>	<u>                    </u>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	33.238.453	12.745.458
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư vào cổ phiếu Sacombank (*) (Thuyết minh số 28)	4.732.478	(7.807.505)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Đại Á (**) (Thuyết minh số 28)	-	28.300.500
Tại ngày 31 tháng 12	<u>37.970.931</u>	<u>33.238.453</u>

(\*) Giá trị thị trường của cổ phiếu Sacombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 16.200 đồng một cổ phiếu (2009: 24.100 đồng).

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ghi giảm giá trị của cổ phiếu Ngân hàng Đại Á xuống bằng mệnh giá.

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Phải thu bên thứ ba	504.011.618	691.700.651
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 33(b)(i))	3.784.397	18.359.154
	<u>507.796.015</u>	<u>710.059.805</u>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, những khoản trả trước cho nhà cung cấp trọng yếu bao gồm:

	1.000 đồng	Mục đích
Ông Nguyễn Trường Sơn và Bà Hoàng Thị Ngọc Anh	133.698.238	Trả trước mua đất ở Quận 7 Góp vốn hợp tác đầu tư dự án tại 541 Nguyễn Văn Cừ Long Biên, Hà Nội (*)
Công ty TNHH Thăng Long	52.600.000	Trả trước tiền mua đất tại dự án 36C-11, Quốc lộ 1A, Tân Kiên, Bình Chánh
Ông Nguyễn Minh Tâm	45.000.000	Trả trước tiền mua đất Quận Phú Nhuận
Ông Nguyễn An Trung	35.713.526	Trả trước tiền mua đất tại tỉnh Nghệ An
Công ty TNHH xây dựng đầu tư cơ sở hạ tầng Phú Thọ	10.000.000	Trả trước tiền mua hàng
Công ty TNHH Nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam	9.576.498	Trả trước mua đất ở Quận 7
Bà Hoàng Thị Ngọc Anh	9.450.000	Trả trước tiền thi công
Công ty xây dựng SGT	7.000.000	

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

(\*) Ngày 28 tháng 8 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thăng Long về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án và khai thác kinh doanh “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp” tại địa chỉ Số 541 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội.

Theo thỏa thuận đầu tư, công ty TNHH Thăng Long chịu trách nhiệm tiến hành những thủ tục pháp lý liên quan để thành lập ra công ty mới. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã chuyển tiền góp vốn là 52,6 tỷ đồng theo đúng như tiến độ góp vốn. Tuy nhiên Công ty TNHH Thăng Long vẫn trong quá trình xin giấy phép thành lập công ty mới nên khoản tiền mà Công ty đã trả trước cho Thăng Long được ghi nhận là khoản trả trước cho người bán.

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Phải thu khác từ bên thứ ba (*)	12.108.870	60.511.113
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33(b)(ii))	1.667.734	1.637.882
Phải trả cho nhân viên	116.657	37.382
	<u>13.893.261</u>	<u>62.186.377</u>

(\*) Những khoản phải thu từ bên thứ ba trọng yếu bao gồm:

Bên thứ ba	1.000 đồng	Lý do
Bà Võ Thị Mượt	2.782.247	Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, không tính lãi
Ban Quản lý KKTM Chu Lai	<u>1.500.000</u>	Ứng trước tiền chi phí đền bù

**8 HÀNG TỒN KHO**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Hàng mua đang đi trên đường	544.301.147	403.440.679
Nguyên vật liệu tồn kho	918.151.922	373.017.524
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.419.320	1.043.985
Chi phí SXKD dở dang	38.140.868	37.655.051
Thành phẩm tồn kho	660.565.981	800.755.250
Hàng hóa	650.263.609	487.116.366
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(18.237.081)	(31.175.913)
	<u>2.794.605.766</u>	<u>2.071.852.942</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

(\*) Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	31.175.913	25.743.061
Dự phòng trong năm	21.080.220	30.092.437
Hoàn nhập trong năm	(34.019.052)	(24.659.585)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>18.237.081</u>	<u>31.175.913</u>

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Công cụ, dụng cụ	6.671.404	2.763.842
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	21.055.528	274.543
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	-	3.018.649
Các chi phí khác	7.960.979	3.199.118
	<hr/>	<hr/>
	<u>35.687.911</u>	<u>9.256.152</u>

**10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	22.324.641	94.162.627
Tạm ứng (**)	25.129.276	9.722.486
Khác	124.118	481.658
	<hr/>	<hr/>
	<u>47.578.035</u>	<u>104.366.771</u>

(\*) Ký quỹ, ký cược ngắn hạn thể hiện các khoản ký quỹ để mở thư tín dụng tại các ngân hàng trong nước.

(\*\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu bao gồm khoản tạm ứng cho nhân viên 16,4 tỷ đồng Việt Nam, dùng để thay mặt Công ty thanh toán cho các khoản mua đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

<b>11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH</b>								
<b>(a) Tài sản cố định hữu hình</b>								
	Tòa nhà 1.000 đồng	Máy móc thiết bị 1.000 đồng	Phương tiện vận tải 1.000 đồng	Thiết bị văn phòng 1.000 đồng	TSCĐ hữu hình khác 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng		
<b>Nguyên giá</b>								
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	467.929.438	632.022.230	209.715.247	9.750.211	1.269.989	<b>1.320.687.115</b>		
Mua sắm mới	19.304.371	97.055.164	19.934.472	5.913.956	1.096.510	<b>143.304.473</b>		
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 11(c))	153.473.466	251.284.490	7.770.256	689.174	255.931	<b>413.473.317</b>		
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.692.332	149.411	308.390	-	-	<b>4.150.133</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng khác	6.654.471	3.070.514	604.742	111.875	57.570	<b>10.499.172</b>		
Thanh lý	(915.233)	(29.121.892)	(1.978.051)	(585.972)	-	<b>(32.601.148)</b>		
Giảm khác	(4.619.384)	(13.396.481)	(67.950)	(103.016)	(88.488)	<b>(18.275.319)</b>		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<b>645.519.461</b>	<b>941.063.436</b>	<b>236.287.106</b>	<b>15.776.228</b>	<b>2.591.512</b>	<b>1.841.237.743</b>		
<b>Khấu hao lũy kế</b>								
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	75.353.686	192.138.743	40.692.313	3.495.218	238.871	<b>311.918.831</b>		
Khấu hao trong năm	37.121.719	123.331.922	22.091.192	3.026.071	288.200	<b>185.859.104</b>		
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.539.929	14.487	40.384	-	-	<b>3.594.800</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng khác	142.173	127.012	-	30.501	-	<b>299.686</b>		
Thanh lý	(152.115)	(16.944.668)	(1.617.603)	(263.383)	-	<b>(18.977.769)</b>		
Giảm khác	(796.194)	(1.324.591)	(153.344)	(8.934)	(33.477)	<b>(2.316.540)</b>		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<b>115.209.198</b>	<b>297.342.905</b>	<b>61.052.942</b>	<b>6.279.473</b>	<b>493.594</b>	<b>480.378.112</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>								
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	392.575.752	439.883.487	169.022.934	6.254.993	1.031.118	<b>1.008.768.284</b>		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<b>530.310.263</b>	<b>643.720.531</b>	<b>175.234.164</b>	<b>9.496.755</b>	<b>2.097.918</b>	<b>1.360.859.631</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 19.322 triệu đồng Việt Nam (2009: 8.202 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại là 252.908 triệu đồng Việt Nam (2009: 286.861 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất 1.000 đồng	Phần mềm máy tính 1.000 đồng	Bảng phát minh sáng chế 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	683.793.310	1.999.062	322.157	<b>686.114.529</b>
Mua sắm mới	21.671.794	897.190	-	<b>22.568.984</b>
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 11(c))	496.434.119	-	-	<b>496.434.119</b>
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	21.701	-	<b>21.701</b>
Thanh lý, nhượng bán	(21.634.294)	(26.300)	-	<b>(21.660.594)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>1.180.264.929</u>	<u>2.891.653</u>	<u>322.157</u>	<u><b>1.183.478.739</b></u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	8.040.963	437.566	131.489	<b>8.610.018</b>
Khấu hao trong năm	3.300.597	615.354	94.233	<b>4.010.185</b>
Tăng khác	-	12.001	-	<b>12.001</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.648)	-	<b>(2.648)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>11.341.561</u>	<u>1.062.273</u>	<u>225.722</u>	<u><b>12.629.556</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	<u>675.752.347</u>	<u>1.561.496</u>	<u>190.668</u>	<u><b>677.504.511</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>1.168.923.369</u>	<u>1.829.380</u>	<u>96.434</u>	<u><b>1.170.849.183</b></u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 236 triệu đồng Việt Nam (2009: không đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 621.125.416 ngàn đồng Việt Nam (2009: 242.969.362 ngàn đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã ủy quyền cho những cá nhân sau đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tập đoàn như sau:

- Bà Viên Diệu Hoà là thành viên Hội Đồng Quản Trị đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A829320, ngày 18 tháng 10 năm 1996 tại 36C11 Ấp 3C, Quốc Lộ 1A, Huyện Bình Chánh với tổng nguyên giá là 19.000 triệu đồng Việt Nam;

## 11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

## (b) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

- Ông Đỗ Hoài Nam là nhân viên phòng Hành Chánh Nhân Sự đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK895078, ngày 29 tháng 8 năm 2007 tại KP2, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang với tổng nguyên giá 150 triệu đồng Việt Nam; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R932258 ngày 19 tháng 4 năm 2001 tại Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá 9.450 triệu đồng Việt Nam và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC614753, ngày 10 tháng 9 năm 2010 tại KP4, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, với tổng nguyên giá 3.328 triệu đồng Việt Nam.

## (c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	500.640.085	296.339.926
Tăng	1.039.166.757	435.250.048
Giảm:		
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11(a))	(413.473.317)	(89.264.964)
- Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 11(b))	(496.434.119)	(112.642.825)
- Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.241.333)	(6.630.220)
- Khác	(38.479.811)	(22.411.880)
Tại ngày 31 tháng 12	589.178.262	500.640.085

Chi tiết các dự án chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	1.000 đồng	Mục đích của dự án
Dự án Khu công nghiệp Cơ khí Ô tô	132.451.000	Xây dựng nhà máy cho một công ty con mới tại Chu Lai
Dự án Phú Nhuận	104.766.522	Xây dựng phòng trưng bày ô tô tại quận Phú Nhuận
Dự án cảng Tam Hiệp	113.312.000	Xây dựng cảng Tam Hiệp tại Chu Lai
Dự án phòng trưng bày Ô tô	82.502.363	Xây dựng phòng Trưng bày ô tô tại quận 7
Dự án khu biệt thự Hòa Thuận	42.975.000	Xây dựng khu nhà ở cho nhân viên
Dự án nhà máy xe buýt	21.168.000	Xây dựng nhà máy sản xuất xe bus tại Chu Lai
Dự án Trung Tâm Thương Mại	11.170.534	Xây dựng một trung tâm thương mại 4.500m <sup>2</sup> tại quận 7
Dự án Quảng Ninh	9.571.591	Xây dựng một phòng trưng bày ô tô
Dự án Logictis	9.067.000	Xây dựng nhà văn phòng và trung tâm bảo hành ô tô tại Chu Lai

## 12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	281.402.650	24.201.044
Tăng trong năm	232.891.006	337.461.980
Phân bổ trong năm	(229.412.841)	(80.260.374)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>284.880.815</u>	<u>281.402.650</u>

Trả trước dài hạn ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm những mục sau:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	231.357.487	240.753.922
Công cụ, dụng cụ	40.050.382	8.103.637
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	6.889.193	5.468.505
Các chi phí khác	6.583.753	27.076.586
	<u>284.880.815</u>	<u>281.402.650</u>

## 13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	30.958.181	28.364.507
Tăng (*)	318.272.573	5.750.000
Khấu hao trong năm (Thuyết minh số 30)	(6.759.987)	(3.156.326)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>342.470.767</u>	<u>30.958.181</u>

(\*) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc thụ đắc các công ty con sau:

	1.000 đồng
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải (i)	63.456.547
Cty CP Xây dựng và Vật tư thiết bị (MESCO) (ii)	254.816.026
	<u>318.272.573</u>

- (i) Trong tháng 6 năm 2010, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng vốn với Công ty Phương Hữu Việt để mua lại hết phần còn lại của Công ty TNHH SX & LR Ôtô Chu Lai Trường Hải (8,7%) với tổng số tiền là 108 tỷ đồng Việt Nam. Giá trị sổ sách tài sản thuần của Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải mà công ty Phương Hữu Việt nắm giữ tại ngày mua là 45 tỷ đồng Việt Nam.

**13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)**

- ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng và thanh toán việc mua lại 100% cổ phần của Mesco với giá mua 255 tỷ đồng Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103000069 của MESCO, MESCO là một công ty cổ phần có vốn điều lệ là 3.3 tỷ đồng Việt Nam. Hai cổ đông chính của MESCO là ông Nguyễn Thế Lam và ông Đinh Ngọc Thanh lần lượt nắm giữ 53% và 35% cổ phần của MESCO.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã kiểm soát và chi phối mọi hoạt động và chính sách tài chính của MESCO. Do vậy công ty đã chuyển khoản đầu tư này từ đầu tư dài hạn sang đầu tư các công ty con.

MESCO có 20.003 m<sup>2</sup> đất, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời gian 50 năm, tiền thuê đất được trả hàng năm. Theo biên bản định giá tài sản của Công ty Cổ Phần Giám Định - Thẩm Định Miền Nam ngày 12 tháng 2 năm 2009 thì giá thị trường của lô đất là 261 tỷ đồng Việt Nam tại thời điểm mua. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, giá trị định giá lại này đã không được đưa vào bảng tính lợi thế thương mại.

**14 CÁC KHOẢN VAY****(a) Khoản vay ngắn hạn**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (i)	1.773.439.973	1.447.666.142
Khoản vay cá nhân (ii)	5.921.456	16.390.438
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14(b))	57.362.507	-
	<u>1.836.723.936</u>	<u>1.464.056.580</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(a) Khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

(i) Tập đoàn có các hợp đồng vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Công ty con	Ngân hàng cho vay	Hạn mức tín dụng Triệu đồng	Thời hạn trả	Mức lãi suất	Khoản nợ tại ngày 31.12.2010 Triệu đồng	Tài sản thế chấp
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng Ngoại Thương - CN Quảng Nam	920.000	17/09/2011	5% - 15%	286.624	Hàng hóa hình thành từ vốn vay, Nhà xưởng, MMTB
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	NH Kỹ Thương - CN Quảng Ngãi	300.000	27/05/2011	6%	29.544	Hàng hóa hình thành từ vốn vay, Nhà xưởng, MMTB
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội	200.000	01/07/2011	5% - 21%	166.090	Linh kiện, Các khoản phải thu
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng MTV HSBC Việt Nam	-	02/05/2011	5%	117.545	Hàng Tồn kho
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng TMCP Phương Tây CN Đà Nẵng	100.000	30/06/2011	5,4% - 12,6%	88.568	Hàng tồn kho
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng TM CP Công Thương VN - CN Quảng Nam	900.000	03/10/2011	15,5% - 15,7%	71.680	Xe các loại
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch - Trường Hải - KIA	Ngân Hàng Ngoại Thương - CN Quảng Nam	1.200.000	08/09/2011	5,5% - 12,3%	382.097	Xe các loại
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch - Trường Hải - KIA	Ngân Hàng MTV HSBC Việt Nam	306.000	22/04/2011	5% - 5,1%	77.061	Quyền sử dụng đất
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch - Trường Hải - KIA	Ngân Hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội	200.000	12/05/2011	5% - 5,9%	29.966	Xe các loại
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch - Trường Hải - KIA	Ngân Hàng TMCP Phương Tây	50.000	22/05/2011	5,2% - 6%	24.391	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch - Trường Hải - KIA	Ngân Hàng Indovina	227.184	28/06/2011	5,00%	77.053	Quyền sử dụng đất
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch - Trường Hải - KIA	Ngân hàng Standard Chartered	94.660	27/01/2011	4,71% - 4,75%	77.365	Không có tài sản thế chấp
Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Ngân Hàng Ngoại Thương CN - Quảng Nam	150.000	17/06/2011	5,5% - 12,55%	137.353	10 xe đầu kéo và 4 xe khách
Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Ngân Hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội	150.000	29/06/2011	5% - 12,5%	90.238	Các khoản phải thu và hàng tồn kho
Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Ngân hàng TMCP Đại Dương	250.000	21/06/2011	4,90% - 5,5%	2.828	Hàng tồn kho
Công ty Cổ Phần Ôtô Trường Hải	Ngân hàng Eximbank - CN Đồng Nai	6.403	29/06/2011	6,5%	6.403	Quyền sử dụng đất
Công ty Cổ Phần Ôtô Trường Hải	Ngân Hàng MTV HSBC Việt Nam	8.069	24/03/2011	5,0%	8.069	Thế chấp quyền sử dụng đất
Công ty Cổ Phần Ôtô Trường Hải	Ngân Hàng Ngoại Thương - CN Đồng Nai	142.265	29/06/2011	5,1%	64.937	Tài sản gắn liền với đất
Công ty Cổ Phần Ôtô Trường Hải	Ngân hàng An Bình - CN Đồng Nai	30.378	23/06/2011	6,5% - 7,0%	30.378	Hàng tồn kho
Cty TNHH MTV SX &LR Điện Lạnh Trường Hải	Ngân Hàng Ngoại Thương CN - Quảng Nam	20.000	15/06/2011	5,5% - 5,7%	8.609	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Cty TNHH MTV SX &LR Điện Lạnh Trường Hải	Ngân Hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội	76.398	09/06/2011	5,90%	1.641	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
					<u>1.773.439</u>	

(ii) Thế hiện khoản vay không có tài sản bảo đảm và không chịu lãi suất từ Ông Nguyễn Thế Lam. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho việc đầu tư vào MESCO.

**14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(b) Khoản vay dài hạn**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Khoản vay dài hạn	<u>134.797.944</u>	<u>189.229.371</u>

Chi tiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của các công ty con như sau:

Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai – Trường Hải	(i)	147.511.602
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Kinh Doanh Thép Chu Lai – Trường Hải	(ii)	35.860.752
Công Ty Cổ Phần Ô tô Trường Hải	(iii)	5.943.627
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghé Ô tô Việt - C.N.A	(iv)	2.554.740
MESCO		289.730
Tổng cộng các khoản vay dài hạn		<u>192.160.451</u>
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả		<u>(57.362.507)</u>
		<u>134.797.944</u>

- (i) Khoản vay có hạn mức 190 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà máy và lắp đặt dây chuyền sơn khung gầm của Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai – Trường Hải. Khoản vay chịu lãi suất 6,5%/năm đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 ngân hàng mới giải ngân được số tiền 147.511.603 ngàn đồng.
- (ii) Khoản vay có hạn mức 45 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà xưởng và dây chuyền máy cắt, cán thép. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm và hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước có hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng Việt Nam, được thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất 122.431 triệu đồng Việt Nam với lãi suất từ 10%-14,76%/năm.
- (iv) Khoản vay có hạn mức 5 tỷ đồng Việt Nam vay trong tháng 7 năm 2009 để thanh toán cho việc mua thiết bị dây chuyền sản xuất. Khoản vay chịu lãi suất 6,38%/năm và hoàn trả trong vòng 24 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Các bên thứ ba	539.765.154	204.349.423

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.584.206	7.664.896
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	41.388.943	41.416.509
Thuế tiêu thụ đặc biệt	121.703.187	206.037.808
Thuế xuất, nhập khẩu	443.421.779	544.318.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.961.566	12.896.284
Các loại thuế khác	1.120.285	487.332
	<u>661.179.966</u>	<u>812.821.092</u>

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Tiền lãi	2.383.767	2.055.285
Lương và các chi phí liên quan	4.560.281	967.298
Chi phí quảng cáo	2.977.587	3.034.548
Chi phí giao nhận	145.715	7.243.510
Chi phí tiện ích	496.002	293.262
Chi phí bảo hiểm	544.067	945.285
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	2.311.066	584.282
Các chi phí khác	6.684.256	5.871.578
	<u>20.102.741</u>	<u>20.995.048</u>

**18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Phải trả cho khu đất giải tỏa cho Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Mở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam	-	12.360.583
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 23)	1.400	27.827
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33(b)(iii))	1.465	1.444
Các khoản phải trả khác	25.686.170	13.955.009
	<u>25.689.035</u>	<u>26.344.863</u>

**19 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là dịch vụ bảo trì, sửa chữa những xe đã bán trong các năm 2009, 2010.

**20 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế của các công ty trong Tập đoàn.

Số liệu về bù trừ thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	2010 1.000 đồng	2009 - 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	1.875.558	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	6.719.720	1.875.558
Tại ngày 31 tháng 12	<u>8.595.278</u>	<u>1.875.558</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản trích trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các khoản chuyển lỗ tính thuế của Tập đoàn có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Khoản lỗ tính thuế thực tế nào có thể được chuyển qua các năm sau thì phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo. Các khoản lỗ tính thuế ước tính đang được các công ty con ghi nhận có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của các công ty con như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ thuế 1.000 đồng
2006	Chưa quyết toán	1.360.808
2007	Chưa quyết toán	2.470.915
2008	Chưa quyết toán	12.885.290
2009	Chưa quyết toán	1.327.069
2010	Chưa quyết toán	<u>21.641.012</u>

Các công ty con và Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế có thể được mang qua các năm sau như nêu ở trên vì khả năng có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện nay là không khả thi.

21 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2010	2009
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	250.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	200.000.000

(b) Chi tiết vốn cổ phần

Chi tiết về cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng Số cổ phiếu phổ thông
	Số cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	72.332.439	76,92	21.707.122	23,08	94.039.561
Tăng trong năm	66.712.949	62,02	40.247.490	37,98	105.960.439
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	138.045.388	69,02	61.954.612	30,98	200.000.000
Tăng trong năm	37.609.077	75,22	12.390.923	24,78	50.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	175.654.465	70,26	74.345.535	29,74	250.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	94.039.561	940.395.610
Cổ phiếu mới phát hành	105.960.439	1.059.604.390
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	200.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	50.000.000	500.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	250.000.000	2.500.000.000

## 21 VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)

Danh sách các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị 1.000 đồng	%
Cty TNHH SX & TM Trân Oanh	120.346.585	1.203.465.850	48,14
Jardine Cycle & Carriage LTD.	70.136.333	701.363.330	28,05
Bà Viên Diệu Hoa	12.350.000	123.500.000	4,94
Ông Trần Bá Dương	12.349.319	123.493.190	4,94
PCA International Funds SPC	4.209.202	42.092.020	1,68
Các cổ đông khác	30.608.561	306.085.610	12,25
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>100,00</b>

Ngày 6 tháng 7 năm 2010, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho phép tăng vốn cổ phần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần 1.000 đồng	Thặng dư vốn cổ phần 1.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.000 đồng	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	940.395.610	1.482.235.836	189.137.802	-	2.611.769.248
Vốn tăng trong năm	59.604.390	481.400.058	-	-	541.004.448
Chuyển sang vốn điều lệ	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	723.203.421	-	723.203.421
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(38.483.792)	-	(38.483.792)
Chia cổ tức	-	-	(188.079.122)	-	(188.079.122)
Khác	-	-	-	3.488.070	3.488.070
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.000.000.000	963.635.894	685.778.309	3.488.070	3.652.902.273
Vốn tăng trong năm	100.000.000	294.400.000	-	-	394.400.000
Chuyển sang vốn điều lệ (*)	400.000.000	(400.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	666.285.977	-	666.285.977
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	38.483.792	-	38.483.792
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(33.714.874)	-	(33.714.874)
Chia cổ tức	-	-	(360.000.000)	-	(360.000.000)
Khác	-	-	(1.057.273)	38.359.078	37.301.805
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2109	2.500.000.000	858.035.894	995.775.931	41.847.148	4.395.658.973

(\*) Tại Đại hội Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2010, các cổ đông đã đồng ý chuyển thặng dư vốn cổ phần 400.000 triệu đồng Việt Nam sang tăng vốn điều lệ của Công ty và đã công bố chia cổ tức 360.000 triệu đồng Việt Nam.

(\*\*) Việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được thực hiện theo Điều lệ của Công ty và chưa được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

**23 CỐ TỨC PHẢI TRẢ**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	27.827	2.000.745
Cố tức được công bố trong năm (Thuyết minh số 33(a)(iii))	360.000.000	188.079.122
Cố tức đã chi trả bằng tiền trong năm	(360.026.427)	(190.052.040)
	<u>1.400</u>	<u>27.827</u>

**24 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	51.402.364	17.916.545
Tăng trong năm (Thuyết minh số 22)	33.714.874	38.483.792
Hoàn nhập năm trước	(38.483.792)	-
Chi trả	(3.376.985)	(4.997.973)
	<u>43.256.461</u>	<u>51.402.364</u>

**25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu mà Công ty mua lại và nắm giữ như là cổ phiếu quỹ.

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	666.285.977	723.203.421
Số lượng cổ phiếu bình quân đang phát hành (cổ phiếu)	225.928.767	95.375.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Việt Nam đồng)	<u>2.949</u>	<u>7.583</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**26 DOANH THU**

**(a) Doanh thu thuần**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán xe	8.865.922.376	6.817.854.278
Doanh thu bán phụ tùng	66.790.851	47.474.971
Doanh thu dịch vụ	110.019.460	70.030.322
Doanh thu khác	28.238.670	20.237.627
	<u>8.870.971.357</u>	<u>6.955.597.198</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(617.228.115)	(329.607.668)
Hàng bán bị trả lại	(48.549.422)	(31.967.126)
Các khoản giảm trừ doanh thu khác	(225.453)	(9.414)
	<u>(666.002.990)</u>	<u>(361.584.208)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<u><u>8.204.968.367</u></u>	<u><u>6.594.012.990</u></u>

**(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Lãi tiền gửi	7.318.199	9.928.856
Cổ tức, lợi nhuận được chia	944.207	1.929.380
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.953.837	4.123.870
Các thu nhập tài chính khác	1.667.051	1.032.685
	<u>15.883.294</u>	<u>17.014.791</u>

**27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Giá vốn bán xe	6.663.701.373	5.140.721.250
Giá vốn bán phụ tùng	27.788.691	19.154.448
Giá vốn dịch vụ	63.239.680	51.690.017
Khác	88.756.747	71.339.470
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.938.832)	5.432.852
	<u>6.830.547.659</u>	<u>5.288.338.037</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí lãi vay	144.316.927	60.681.684
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Sacombank (Thuyết minh số 4(b)(ii))	68.181.852	63.822.265
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Đại Á (Thuyết minh số 4(b)(ii))	4.732.478	(7.807.505)
Khác	-	28.300.500
	-	595.180
	<u>217.231.257</u>	<u>145.592.124</u>

**29 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Khấu hao tài sản cố định	9.779.926	7.562.398
Chi phí nhân viên	43.265.627	27.537.313
Chi phí bảo hành, bảo dưỡng	30.377.325	38.163.495
Chi phí vận chuyển	67.204.615	53.894.505
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	28.668.402	20.704.916

**30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	19.171.625	16.686.238
Chi phí nhân viên	93.647.591	67.638.426
Phí ngân hàng	16.899.757	13.346.905
Dự phòng nợ khó đòi	3.312.102	2.941.898
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 13)	6.759.987	3.156.326



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**31 THU NHẬP KHÁC**

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.001.424	4.853.794
Thu nhập khác	24.227.471	16.275.406
	<u>29.228.895</u>	<u>21.129.200</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ do thanh lý TSCĐ	(5.417.506)	(4.609.008)
Chi phí khác	(13.091.269)	(10.468.015)
	<u>(18.508.775)</u>	<u>(15.077.023)</u>
Thu nhập thuần khác	<u>10.720.120</u>	<u>6.052.177</u>

**32 THUẾ**

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Công ty và các công ty con, như sau:

	<b>2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	693.493.484	765.407.485
Thuế tính theo các mức thuế suất tương ứng	21.140.844	21.308.024
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(4.510.630)
Chi phí không được khấu trừ	5.204.817	5.706.005
Sử dụng các khoản chuyển lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	-	(191.091)
Dự phòng thừa của năm trước	(2.535.354)	(53.457)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>23.810.307</u>	<u>22.258.851</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	30.530.027	24.134.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại (*)	(6.719.720)	(1.875.558)
	<u>23.810.307</u>	<u>22.258.851</u>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh chủ yếu do các khoản chênh lệch tạm thời từ các khoản dự phòng của hàng tồn kho, các khoản phải thu và các khoản đầu tư.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

## 33 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## (a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

*i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	168.325.425	69.878.815

*ii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt*

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Hội đồng Quản trị	780.000	200.000
Ban kiểm soát	840.000	1.140.000
Ban Tổng Giám đốc	10.682.438	4.374.538
	<u>12.302.438</u>	<u>5.714.538</u>

*iii) Các hoạt động tài chính*

Cổ tức của năm 2009 công bố chi trả cho các cổ đông trong năm 2010 như sau:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Công Ty TNHH SX & TM Trần Oanh	218.730.877	-
Jardine Cycle & Carriage Ltd.	105.204.499	38.512.594
Trần Bá Dương	18.000.000	87.979.728
PCA International Funds SPC	6.313.802	3.507.668
Nguyễn Văn Kim Lân	4.575.489	2.218.000
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	2.968.027	1.648.904
Trần Bá Hùng	1.022.112	9.922.500
Trần Thị Bạch Tuyết	288.403	1.984.500
Viên Diệu Hoa	-	26.567.706
Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	9.756.528
Các cổ đông khác	2.896.791	5.980.994
	<u>360.000.000</u>	<u>188.079.122</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**33 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

**iv) Các hoạt động tài chính (tiếp theo)**

Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu mới:

	2010 VND'000	2009 VND'000
Ông Nguyễn Thạch Ngọc	386.400.000	-
Jardine Cycle & Carriage Ltd.	-	536.675.007
Khác	8.000.000	4.329.441
	<u>394.400.000</u>	<u>541.004.448</u>

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

**i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	<u>3.784.397</u>	<u>18.359.154</u>

**ii) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	1.663.810	1.636.002
Công ty TNHH MTV Trường Phú	3.924	1.880
	<u>1.667.734</u>	<u>1.637.882</u>

**iii) Các khoản phải trả khác (Thuyết minh số 18)**

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	<u>1.465</u>	<u>1.444</u>

**34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, thuê văn phòng, showroom, tiền thuê đất trả hằng năm mà Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Dưới 1 năm	8.710.451	8.513.884
Từ 1 đến 5 năm	22.678.527	13.355.110
Trên 5 năm	124.563.227	39.052.679
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>155.952.205</b>	<b>60.921.673</b>

**35 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu mua sắm và xây dựng tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

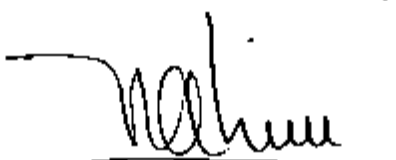
	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Showroom, máy móc và thiết bị	551.192.517	99.635.667

**36 CÁC CAM KẾT KHÁC**

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có một số cam kết thanh toán nhưng chưa được phản ánh lên báo cáo tài chính như sau:

	2010 1.000 đồng	2009 1.000 đồng
Thư tín dụng không hủy ngang	1.180.789.205	552.838.657

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2011.

  
 Nguyễn Quốc Tuấn  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Bá Dương  
 Tổng Giám đốc